

Số: 1606 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 178/TTr-SCT ngày 27 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 73 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương (Cấp tỉnh: 69 danh mục; cấp xã: 04 danh mục).

(Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (N.03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 69 THỦ TỤC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC DẦU KHÍ: 01 THỦ TỤC						
1	Chấp thuận các tài liệu an toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Quyết định 04/2015/QĐ-TTg ngày 20/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí; - Thông tư 40/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ; TTHC mới ban hành lĩnh vực Công Thương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ: 01 THỦ TỤC						
2	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp 2.000147	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ; thủ tục

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành chính mới ban hành lĩnh vực Công Thương.
LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG: 01 THỦ TỤC						
3	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương 2.000191	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023; - Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư 42/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ: 05 THỦ TỤC						
4	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000168	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
5	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000358	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
6	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000129	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
7	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000361	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
8	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000376	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Thương. - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC: 02 THỦ TỤC						
9	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá 2.000598	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Công Thương; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá 1.001323	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
11	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá 1.001338	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Công Thương; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG: 09 THỦ TỤC						
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm 1.001271	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
13	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm 2.000618	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm 2.000613	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
15	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định 1.000878	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
16	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định 2.000401	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định 2.000251	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận 1.001292	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
19	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận 2.000628	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với hồ sơ không đầy đủ); 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ (đối với hồ sơ đầy đủ)				lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận 2.000624	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM: 10 THỦ TỤC						
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm 2.001293	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện hành về phí và lệ phí	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			phục vụ hành chính công tỉnh			của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải; - Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết luật chăn nuôi; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm 2.001278	03 ngày đến 22 ngày làm việc (tùy từng trường hợp) kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện hành về phí và lệ phí	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đủ hồ sơ hợp lệ	phục vụ hành chính công tỉnh			- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải; - Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết luật chăn nuôi; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
23	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	45 ngày làm việc kể	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công	Theo quy định hiện hành về	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh ; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	2.001682	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến	phí và lệ phí	Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về ATTP; - Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản QPPL quy định về đầu tư kinh doanh; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng của Bộ Công Thương.
24	Đăng ký gia hạn chi	30 ngày làm việc (chưa bao	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh ; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước 1.003951	<i>gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh		hành về phí và lệ phí	Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về ATTP; - Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản QPPL quy định về đầu tư kinh doanh; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng của Bộ Công Thương.
25	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định	30 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công	Theo quy định hiện hành về phí và lệ	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh ; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước 2.001660	làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến	phí	Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về ATTP; - Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản QPPL quy định về đầu tư kinh doanh; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng của Bộ Công Thương.
26	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công	Theo quy định	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	phẩm 1.003860	sơ hợp lệ.	Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến	hiện hành về phí và lệ phí	- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về ATTP; - Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản QPPL quy định về đầu tư kinh doanh; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng của Bộ Công Thương.
27	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn	30 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính;	Theo quy định hiện	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thực phẩm 2.001595	làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	dịch vụ công trực tuyến	hành về phí và lệ phí	điều kiện đầu tư kinh doanh ; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về ATTP; - Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản QPPL quy định về đầu tư kinh doanh; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng của Bộ Công Thương.
28	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và	Nộp trực tiếp; Dịch vụ	Theo quy định	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm 1.003929	<i>(chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	hiện hành về phí và lệ phí	Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh ; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về ATTP; - Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản QPPL quy định về đầu tư kinh doanh; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng của Bộ Công Thương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm 2.000117	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện hành về phí và lệ phí	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh ; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về ATTP; - Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản QPPL quy định về đầu tư kinh doanh; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng của Bộ Công Thương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm 2.00011	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện hành về phí và lệ phí	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp 3 trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ: 06 THỦ TỤC						
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG 1.000475	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp 3 trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC; - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG 1.000455	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.
33	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG. 1.000742	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini. 2.000304	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini 1.000709	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.
36	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini 1.000704	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC; - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG: 08 THỦ TỤC						
37	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá 1.000667	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh; - Thông tư 43/2023/TT-BCT 28/12/2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
38	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000981	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh; - Thông tư 43/2023/TT-BCT 28/12/2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
39	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc	15 ngày làm việc kể	Bộ phận tiếp nhận và	Nộp trực tiếp; Dịch vụ	Theo quy định	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	lá 1.000948	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	hiện hành về phí, lệ phí	pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh; - Thông tư 43/2023/TT-BCT 28/12/2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
40	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000911	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công	Theo quy định hiện hành về phí, lệ	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		sơ hợp lệ	Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến	phí	- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh; - Thông tư 43/2023/TT-BCT 28/12/2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
41	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại 2.000209	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			phục vụ hành chính công tỉnh			67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh; - Thông tư 43/2023/TT-BCT 28/12/2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
42	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.000162		công tỉnh			của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh; - Thông tư 43/2023/TT-BCT 28/12/2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
43	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá 1.000172	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư 43/2023/TT-BCT 28/12/2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
44	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu 1.000949	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh; - Thông tư 43/2023/TT-BCT 28/12/2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ: 06 THỦ TỤC						
45	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh 2.001434	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29/6/2024; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
46	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 2.001433	(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29/6/2024; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						07/11/2024 về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
47	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh 1.013058	(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29/6/2024; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						07/11/2024 về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ 1.000998	(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29/6/2024; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						07/11/2024 về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
49	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ 1.000965	(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29/6/2024; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						07/11/2024 về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA: 06 THỦ TỤC						
50	Cấp lại quyết định chi định	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						KHCN; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.
51	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.
52	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định 2.000604	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			công tỉnh			bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện của Bộ Công Thương; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.
53		(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định 2.001665		hành chính công tỉnh			09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.
54	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định 2.001675	(07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			phục vụ hành chính công tỉnh			- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của KHCN; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ.
55	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (Đối	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	2.000046	với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ) 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ)	Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	gia		2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						31/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU: 09 THỦ TỤC						
56	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến	(17) ngày làm việc kể	Bộ phận tiếp nhận và	Nộp trực tiếp; Dịch vụ	Không	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh	từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	bưu chính; Dịch vụ công quốc gia		ngoại thương. - Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
57	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất	(05) ngày làm việc kể	Bộ phận tiếp nhận và	Nộp trực tiếp; Dịch vụ	Không	- Luật Thương mại;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật 1.000477	từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	bưu chính; Dịch vụ công quốc gia		- Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2015 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
58	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất 1.001062	(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 146/2015/NĐ-CP ngày 12/6/2015 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Thương.
59	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng 2.001758	(07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2015 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
60	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà 1.000363	(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 37/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
61	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt 1.004181	(07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; <i>N</i> - nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
62	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh 1.004155	(07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; <i>N</i> - nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
63	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico 1.000400	08 (tám) giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ: Nếu đáp ứng: 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấp nhận cấp Chứng thư.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hệ thống điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ: http://www.ecosys.gov.vn	Không	- Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo CPTPP. - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
64	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu 1.000890	(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc	Không	-Luật Thương mại; -Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ	Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	gia		ngoại thương; -Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
65	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất	(03) ngày làm việc kể từ ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính;	Không	-Luật Thương mại; -Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương 1.001238	nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Dịch vụ công quốc gia		quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; -Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
66	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu	(03) ngày làm việc kể	Bộ phận tiếp nhận và	Nộp trực tiếp; Dịch vụ	Không	-Luật Quản lý ngoại thương; -Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương 1.001104	từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	bưu chính; Dịch vụ công quốc gia		15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; -Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; -Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
67	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu 1.004191	(03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			hành chính công tỉnh			thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương -Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
68	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất 1.000551	(05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			phục vụ hành chính công tỉnh			12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương -Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
69	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	(03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công quốc gia	Không	-Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.000264	hợp lệ	Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			Bản về đối tác kinh tế. - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 04 THỦ TỤC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG: 01 THỦ TỤC						
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã 2.002096	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính	Không	-Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; -Thông tư 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Công

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngành nông thôn tiêu biểu cấp xã				Thương về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; -Thông tư 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 26/2014/TT-BCT; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG: 03 THỦ TỤC						
2	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000181	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	-Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. -Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000162	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương' - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000150	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	-Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; -Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; -Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; -Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						nước của Bộ Công Thương; -Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương -Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC mới được ban hành lĩnh vực Công Thương.